

Số: 4092/QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Hướng dẫn quy trình kiểm soát tàu nước ngoài đánh bắt thủy sản vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Hiệp định các Biện pháp Quốc gia có cảng của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO, 2009) nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định mà Việt Nam là Thành viên;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản tại Tờ trình số 2315/TT-Tr-TCTS-KTTS ngày 17 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn quy trình kiểm soát tàu nước ngoài đánh bắt thủy sản, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (b/c);
- Bộ GTVT (p/h);
- Cục Hàng hải (p/h);
- Tổng cục Hải quan (p/h);
- BTL Bộ đội Biên Phòng (p/h);
- Cảng biển cho tàu đánh bắt, vận chuyển thủy sản nước ngoài cập cảng (p/h);
- Lưu: VT, TCTS (40b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiên

Phụ lục

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÌNH KIỂM SOÁT TÀU NƯỚC NGOÀI ĐÁNH BẮT THỦY SẢN, TÀU VẬN CHUYỂN, CHUYỂN TẢI THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC TỪ KHAI THÁC CẤP CẢNG VIỆT NAM

(Quyết định số: 4092/QĐ-BNN-TCTS ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

1. Đối tượng kiểm tra, kiểm soát

a) Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm soát hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tổ chức, cá nhân liên quan đến tàu đánh bắt thủy sản, tàu vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của nước ngoài cấp cảng Việt Nam.

b) Trường hợp tàu cá nước ngoài cấp cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cấp cảng được áp dụng Quyết định này để quản lý, kiểm soát hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

c) Việc kiểm soát tàu công-ten-nơ chở thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát theo Mục 4 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

2. Các bước thực hiện kiểm tra, kiểm soát

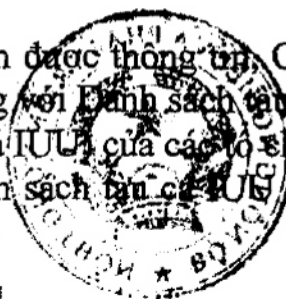
Bước 1: Thông báo thông tin trước khi tàu cập cảng

Trước khi tàu cập cảng ít nhất 24 giờ chủ tàu hoặc người đại diện chủ tàu (đại lý vận tải/chủ hàng) của tàu đánh bắt thủy sản, tàu vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác để nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thông báo theo Mẫu số 17.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP qua môi trường mạng cho cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Danh sách Cục Thú y và Chi cục Thú y vùng ban hành kèm theo Quyết định này (gọi tắt là Cơ quan kiểm tra).

208

Bước 2: Xử lý thông tin tiếp nhận từ chủ tàu hoặc người đại diện chủ tàu (đại lý vận tải/chủ hàng).

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, Cơ quan kiểm tra đối chiếu thông tin của tàu xin phép cập cảng với Danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp (Danh sách tàu cá IUU của các tổ chức quản lý nghề cá khu vực (theo trang web dưới đây), Danh sách tàu cá IUU do Ủy ban Châu Âu công bố:



- IOTC <http://www.iotc.org/vessels#iuu>
- ICCAT <http://www.iccat.int/en/vesselsrecord.asp>
- IATTC <https://www.iattc.org/VesselRegister/SearchVessel.aspx>
- WCPFC <https://www.wcpfc.int/vessels#IUU>
- CCAMLR <https://www.ccamlr.org/en/compliance/illegal-unreported-and-unregulated-iuu-fishing>

- Trường hợp tàu xin phép cập cảng nằm trong Danh sách tàu cá khai thác IUU của các tổ chức quản lý nghề cá khu vực, danh sách tàu cá IUU do Ủy ban Châu Âu công bố, Cơ quan kiểm tra từ chối cho tàu cập cảng và thông báo với cơ quan quản lý cảng; công bố và thông báo về quyết định từ chối cập cảng cho quốc gia mà tàu mang cờ; Đồng thời nếu thấy cần thiết phải thông báo cho các quốc gia ven biển lân cận, các tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế khác có liên quan.

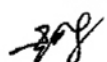
- Trường hợp tàu xin phép cập cảng không nằm trong danh sách tàu cá IUU hoặc chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản liên quan đến khai thác IUU của các tổ chức quản lý nghề cá khu vực, danh sách tàu cá IUU do Ủy ban Châu Âu công bố, Cơ quan kiểm tra thông báo đến cơ quan quản lý cảng bố trí, điều độ cho phép tàu cập cảng, đồng thời thông báo cho thuyền trưởng hoặc đại diện chủ tàu (đại lý vận tải/chủ hàng) biết.

Bước 3: Kiểm tra, đối chiếu thông tin khi tàu cập cảng

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra tàu nước ngoài ngay sau khi tàu cập cảng hoặc khi có yêu cầu của quốc gia mà tàu mang cờ, quốc gia ven biển có liên quan, cụ thể như sau:

- Trước khi tiến hành kiểm tra, kiểm soát trên tàu, cán bộ kiểm tra phải xuất trình giấy tờ thể hiện công vụ trước thuyền trưởng;

- Nội dung kiểm tra: Yêu cầu thuyền trưởng cung cấp các tài liệu để kiểm tra Thông tin về tàu (tên tàu, số tàu, số hiệu tàu do Tổ chức hàng hải Quốc tế "IMO" cấp), thông tin về chủ tàu, giấy đăng ký tàu cá, giấy phép khai thác, giấy phép chuyển tải, các báo cáo chuyển tải, nhật ký khai thác, sản lượng và thành phần loài thủy sản, ngư cụ; tài liệu theo yêu cầu của Công ước về Buôn bán quốc tế các loài Động thực vật Hoang dã nguy cấp (CITES) và tài liệu cần thiết khác (nếu có).

 - Tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin:

+ Kiểm tra các tài liệu đã được cung cấp có phù hợp với quy định hay không, có bị tẩy xóa, viết thêm hay không;

+ Kiểm chứng, xác minh sự thống nhất, trùng khớp giữa các thông tin đã khai theo Mẫu số 17.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP và các thông tin, tài liệu do Thuyền trưởng cung cấp;

Trường hợp nhận thấy các thông tin không đầy đủ hoặc có nghi ngờ, Cơ quan kiểm tra liên hệ với cơ quan chức năng của quốc gia có tàu cá mang cờ qua môi trường mạng để xác minh thông tin. Trường hợp cơ quan chức năng của quốc gia có tàu mang cờ không trả lời theo thời hạn quy định, Cơ quan kiểm tra sẽ xác định tính xác thực của các thông tin được cung cấp dựa trên kết quả kiểm tra trực tiếp trên tàu.

Bước 4. Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp trên tàu

Việc kiểm tra, kiểm soát trên tàu phải đảm bảo kiểm soát được tất cả các vị trí liên quan của tàu, hàng hóa trên tàu, thủy sản, ngư lưới cụ, thiết bị, tài liệu ghi chép. Cơ quan kiểm tra yêu cầu thuyền trưởng hợp tác và cung cấp các thông tin cần thiết gồm:

- Nhật ký khai thác, chuyển tải thủy sản của tàu có ghi đầy đủ các thông tin như: tên, thông tin của tàu khai thác/tàu chuyển tải; vị trí, thời gian và hành trình của tàu khai thác/tàu chuyển tải; sản lượng, thành phần loài được khai thác/chuyển tải.

- Kiểm tra dữ liệu giám sát tàu cá (VMS)/AIS; việc tuân thủ quy định trách nhiệm của biện pháp quốc gia treo cờ/quy định của các tổ chức quản lý nghề cá khu vực; dữ liệu về thời điểm khai thác, sản lượng thủy sản được chuyển tải.

- Kiểm tra thực tế các ngư cụ có trên tàu, kể cả ngư cụ được cất giữ cũng như các dụng cụ khác có liên quan theo danh mục và điều kiện ghi trong Giấy phép khai thác.

- Kiểm tra thủy sản được khai thác/chuyển tải trên tàu (loài thủy sản, khu vực, mùa vụ ...) được đánh bắt theo quy định của Giấy phép khai thác.

- Kiểm tra, đối chiếu sản lượng và thành phần loài thủy sản khai thác với thông tin khai báo về lô hàng nhập khẩu.

- Rà soát các tài liệu và ghi chép liên quan khác có trên tàu bao gồm: danh sách thuyền viên; sơ đồ bố trí và bản vẽ cho việc xếp hàng hóa, mô tả các hầm chứa thủy sản;

- Kiểm tra các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Công ước CITES (nếu có).

Bước 5. Lập Biên bản kiểm tra

Biên bản kiểm tra được lập theo mẫu số 18.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 26/2019-NĐ-CP. Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản; thuyền trưởng và Cơ quan kiểm tra mỗi bên giữ 01 bản.

Bước 6. Xử lý kết quả kiểm tra

- Trường hợp không có bằng chứng về lô hàng, tàu khai thác, chuyển tải bất hợp pháp hoặc hoạt động hỗ trợ cho khai thác bất hợp pháp, Cơ quan kiểm tra cho phép bốc dỡ hàng thủy sản theo quy định.

- Trường hợp phát hiện bằng chứng về lô hàng, tàu khai thác, chuyển tải bất hợp pháp hoặc hoạt động hỗ trợ cho khai thác bất hợp pháp, Cơ quan kiểm tra phối hợp với các cơ quan có chức năng không cho bốc dỡ hàng lên cảng và thông báo với Cơ quan quản lý cảng không cho sử dụng dịch vụ tại cảng, đồng thời thông báo cho quốc gia mà tàu mang cờ, quốc gia mà thuyền trưởng của tàu khai thác, chuyển tải đó mang quốc tịch về kết quả kiểm tra và biện pháp xử lý vi phạm. Trường hợp cần thiết có thể thông báo cho các quốc gia ven biển, Tổ chức quản lý nghề cá khu vực, Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) và tổ chức quốc tế có liên quan.

- Trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết liên quan đến an toàn tính mạng và sức khỏe thuyền viên, người làm việc trên tàu hoặc lý do an toàn của tàu, tàu gặp sự cố do thiên tai, Cơ quan kiểm tra xác minh phối hợp với các cơ quan chức năng cho phép tàu cập cảng để giải quyết sự cố và thông báo với Cơ quan quản lý cảng áp dụng các biện pháp cần thiết nếu tàu cần sử dụng các dịch vụ do cảng cung cấp; đồng thời thông báo cho quốc gia mà tàu mang cờ, quốc gia mà thuyền trưởng của tàu khai thác, chuyển tải đó mang quốc tịch. Trường hợp cần thiết có thể liên hệ với các tổ chức quản lý nghề cá khu vực, Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) và các tổ chức quốc tế khác có liên quan về quyết định của mình.

Bước 7. Trước khi tàu rời cảng

Trước khi tàu rời cảng, thuyền trưởng/người đại diện chủ tàu phải thông báo cho Cơ quan quản lý cảng và các cơ quan chức năng liên quan theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng

a) Chủ trì, phối hợp với Cơ quan quản lý cảng thực hiện việc tiếp nhận thông tin của tổ chức, cá nhân có tàu đánh bắt thủy sản, tàu vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của nước ngoài xin phép cập cảng;

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan (Cơ quan quản lý cảng, Cục hàng hải, Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát biển, Cục xuất nhập cảnh) tổ chức xác minh, kiểm tra để xác minh, cho phép hoặc từ chối cho tàu cập cảng; Tổ chức kiểm tra, kiểm soát trên tàu và thông báo kết quả kiểm tra cho các bên liên quan theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, kiểm soát hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam thủy sản, sản phẩm thủy sản có

nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn.

2. Tổng cục Thủy sản

a) Phân công lãnh đạo, chuyên viên phối hợp với Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng trong quá trình tiếp nhận thông tin của tổ chức, cá nhân có tàu đánh bắt thủy sản, tàu vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của nước ngoài xin phép cập cảng;

b) Phối hợp trong quá trình xác minh, kiểm tra để xác minh, cho phép hoặc từ chối cho tàu cập cảng; xử lý các trường hợp vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm.

3. Tổ chức/cá nhân có tàu đánh bắt thủy sản, tàu vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của nước ngoài cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác qua lãnh thổ Việt Nam

a) Tuân thủ các quy định của quy trình này; phối hợp và cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin cho các cơ quan chức năng theo quy định.

b) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quốc tế trong kiểm soát thủy sản có nguồn gốc từ khai thác./.

4/8

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



DANH SÁCH CÁC CỤC THÚ Y VÀ CHI CỤC THÚ Y VÙNG
(Ban hành theo Quyết định số: **4092/QĐ-BNN-TCTS** ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Số Điện thoại/Fax/Email
1	Cục Thú y	Số 15/78 đường Giải Phóng - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội	ĐT:024.36290286 Fax:02438691311 Email: vanphongcuc@dah.gov.vn
2	Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Quảng Ninh	Khu 10, Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long – Quảng Ninh	ĐT:0203.3640691 Fax:0203.3640690 Email: kiemdichqn@gmail.com
3	Chi cục Thú y vùng II	Số 23, đường Đà Nẵng, Ngô Quyền – Hải Phòng	ĐT:0225.3836511 Fax:0225.3551698 Email: tonghoptyv2@gmail.com
4	Chi cục Thú y vùng III	Số 15 Nguyễn Sinh Sắc, Cửa Nam, Tp. Vinh-Nghệ An	ĐT:0238.3842786 Fax:0238.3584159 Email: hcthtyv3@gmail.com
5	Chi cục Thú y vùng IV	Số 12 Trần Quý Cáp, Hải Châu – Đà Nẵng	ĐT:0236.3822515 Fax:0236.3826926 Email: tyvdm@vnn.vn
6	Chi cục Thú y vùng VI	Số 521/1 Hoàng Văn Thụ, phường 4, Tân Bình – TP Hồ Chí Minh	ĐT:028.39483046 Fax:028.39483031 Email: chicucthuyvung6@raho6.gov.vn
7	Chi cục Thú y vùng VII	Số 88, đường Cách mạng Tháng 8, Bùi Hữu Nghĩa, Bình Thủy – Cần Thơ	ĐT:0292.3820203 Fax:0292.3823386 Email: chicucthuyvung7.raho7@gmail.com

**TÓM TẮT HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH
KIỂM SOÁT TÀU NƯỚC NGOÀI ĐÁNH BẮT THỦY SẢN, TÀU VẬN
CHUYỂN, CHUYỂN TẢI THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN CÓ
NGUỒN GỐC TỪ KHAI THÁC CẤP CẢNG VIỆT NAM**

(Ban hành theo Quyết định số: 4092/QĐ-BNN-TCTS ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện	Tổ chức, cá nhân phối hợp	Căn cứ áp dụng
Bước 1	Trước khi cập cảng ít nhất 24 giờ phải thông báo cho cơ quan thẩm quyền để xin phép cập cảng qua môi trường mạng	Chủ tàu hoặc đại diện chủ tàu (đại lý vận tải/chủ hàng)	Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng	Điều 70, Biểu mẫu 17.KT Phụ lục IV, Nghị định 26/2019/NĐ-CP và Quyết định 3246/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/8/2019
Bước 2	Trong thời gian 24 giờ, cơ quan kiểm tra xử lý thông tin của chủ tàu hoặc đại diện chủ tàu (đại lý vận tải/chủ hàng) và thông báo cho phép/không cho phép tàu cập cảng	Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng	Tổng cục Thủy sản, Cơ quan quản lý cảng	
Bước 3	Kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin khai báo với tài liệu do Thuyền trưởng cung cấp	Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng, Tổng cục Thủy sản, Cơ quan quản lý tại cảng	Hải quan, Biên phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố ven biển	
Bước 4	Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp trên tàu	Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng, Tổng cục Thủy sản, Cơ quan quản lý tại cảng	Hải quan, Biên phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố ven biển	Điều 70, Biểu mẫu 18.KT Phụ lục IV, Nghị định 26/2019/NĐ-CP; Nghị định 58/2017/NĐ-CP và Hiệp định PSM.
Bước 5	Lập Biên bản kiểm tra	Cục Thú y/Chi cục Thú y vùng, Tổng cục Thủy sản, Cơ quan quản lý tại cảng	Hải quan, Biên phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố ven biển	
Bước 6	Xử lý kết quả kiểm tra			
Bước 7	Trước khi rời cảng ít nhất trước 02 giờ thuyền trưởng phải thông báo Cơ quan quản lý cảng.	Thuyền trưởng	Cơ quan quản lý cảng	Khoản 2 Điều 87 Mục 4, Nghị định 58/2017/NĐ-CP

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
CHO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỚC KHI TÀU VÀO CẢNG

1. Cảng dự định vào:.....
2. Quốc gia cảng:.....
3. Ngày ... tháng ... năm ...; Giờ vào cảng dự kiến: giờ phút
4. Mục đích vào cảng:.....
5. Nơi và ngày cập cảng liền trước đó:.....
6. Tên tàu biển:
7. Quốc gia mà tàu mang cờ:
8. Loại tàu biển:
9. Hồ hiệu quốc tế:
10. Thông tin liên lạc của tàu:
11. (Các) chủ tàu:
12. Chứng nhận đăng kiểm số:
13. Số hiệu tàu IMO¹ (nếu có):
14. Số hiệu bên ngoài (nếu có):
15. Số hiệu RFMO² (nếu có):
16. VMS³: Không có; Có: Quốc gia; Có: RFMO; Loại:.....
17. Kích thước tàu: Chiều dài..... mét; Chiều rộng..... mét; Mớn nước..... mét
18. Họ tên thuyền trưởng:.....; quốc tịch:.....
19. Các giấy phép khai thác được cấp: Số.....; Cơ quan cấp:..... Có giá trị đến ngày tháng ... năm Khu vực được phép khai thác: Đối tượng được phép khai thác..... Ngư cụ.....
20. Các giấy phép chuyển mạn có liên quan:
- Số:.....; Có giá trị đến:.....

¹ Tổ chức Hàng hải quốc tế

² Tổ chức Quản lý nghề cá khu vực

³ Hệ thống giám sát tàu thuyền

Cơ quan cấp.....
- Số:.....; Có giá trị đến:.....
Cơ quan cấp.....
21. Thông tin chuyển mạn liên quan đến tàu chuyển tải:
Ngày..... tháng năm; Địa điểm:.....
Tên tàu:.....Quốc gia mà tàu treo cờ:
Mã số:; Đối tượng khai thác:.....
Hình thức:; Khu vực đánh bắt:.....
Khối lượng:.....kg
22. Tổng lượng cá đã đánh bắt có trên tàu:
Đối tượng khai thác:.....
Hình thức sản phẩm:.....
Khu vực khai thác:.....; Khối lượng:.....kg
23. Tổng sản lượng cá sẽ được bốc dỡ:.....kg

NGƯỜI KHAI BÁO
Ký tên

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

NAME OF AGENCY,
ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No :.....

NOTIFICATION

TO MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT BEFORE VESSEL ENTERING THE PORT

1. Intended port of call:.....
2. Port State:.....
3. Date month year.....; Estimated time of arrival:..... hour.... minute.
4. Purpose (s):.....
.....
5. Port and date of last port call:.....
6. Name of the vessel:
7. Flag State:
8. Type of vessel:
9. International radio call sign:
10. Vessel contact information:
11. Vessel owner(s)
12. Certificate of Registry ID:
13. IMO¹ship ID (If available):
14. External ID (If available)
15. RFMO²ID (if applicable):
16. VMS³:No; Yes: National; Yes: RFMO;Type:.....
17. Vessel Dimension: length..... (m); Beam..... (m); Draft..... (m)
18. Vessel master name :.....; Nationality:.....
19. Relevant fishing authorization (s): Identifier.....;
Issuing by:.....Validity.....
Fishing area:
Species
Gear.....
20. Relevant transshipment authorization (s):
- Identifier:..... ; Validity.....:
Issuing by.....
- Identifier:..... ; Validity.....:

Issuing by.....

21. Transshipment information concerning donor vessel:

Date.....; Location:.....

Name of vessel:..... Flag State:

ID Number:; Species:.....

Product form:; Catch area:.....

Quantity:.....kg

22. Total catch onboard:

Fishing Species:.....

Product form:.....

Catch area:.....; Quantity:.....kg

23. Catch to be offloaded.kg

NGƯỜI KHAI BÁO

DECLARER

Ký tên

Signature

1: International Maritime Organization

2: Regional Fisheries Management Organization

3: Vessel monitoring system

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN KIỂM TRA

1. Biên bản kiểm tra số:.....		2. Quốc gia cảng :.....			
3. Cơ quan tiến hành kiểm tra					
4. Họ tên trưởng đoàn kiểm tra				Số hiệu	
5. Cảng nơi tiến hành kiểm tra					
6. Thời gian bắt đầu kiểm tra		Năm	Tháng	Ngày	Giờ
7. Thời gian kết thúc kiểm tra		Năm	Tháng	Ngày	Giờ
8. Có nhận được thông báo trước đó hay không		Có		Không	
9. Mục đích	Chuyển cá lên bờ	Chuyển tàu		Chế biến	Khác (nêu rõ)
10. Tên cảng, Quốc gia và ngày cập cảng liền trước đó				Năm	Tháng Ngày
11. Tên tàu					
12. Quốc gia mà tàu treo cờ					
13. Loại tàu					
14. Hô hiệu quốc tế					
15. Chứng nhận đăng kiểm số					
16. Số hiệu tàu IMO (nếu có)					
17. Số hiệu bên ngoài (nếu có)					
18. Cảng đăng kiểm					
19. (Các) chủ tàu					
20. Người được hưởng lợi từ tàu (nếu xác định được, nhưng không phải là chủ tàu)					
21. Người điều khiển tàu (nếu không phải là chủ tàu)					
22. Họ tên và quốc tịch thuyền trưởng					
23. Họ tên và quốc tịch người chỉ huy khai thác					
24. Đại diện tàu					
25. VMS		Không có	Có: Quốc gia	Có: RFMO	Loại:
26. Địa vị pháp lý trong các khu vực RFMO nơi việc khai thác hoặc các hoạt động liên quan đến khai thác đã diễn ra, trong đó có danh mục tàu IUU					
Số hiệu	RFMO	Địa vị pháp lý	Tàu thuộc	Tàu thuộc	

		của quốc gia mà tàu mang cờ	danh lục tàu được cấp phép	danh lục tàu IUU				
27. Các giấy phép khai thác được cấp								
Số	Cơ quan cấp	Có giá trị đến	(Các) khu vực được phép khai thác	Đối tượng khai thác	Ngư cụ			
28. Các giấy phép chuyển tàu có liên quan								
Số		Cơ quan cấp		Có giá trị đến				
Số		Cơ quan cấp		Có giá trị đến				
29. Thông tin về việc chuyển tàu liên quan đến tàu viện trợ								
Ngày	Địa điểm	Tên	Quốc gia mà tàu treo cờ	Mã số	Đối tượng khai thác	Hình thức sản phẩm	(Các) khu vực đánh bắt	Khối lượng
30. Đánh giá về khối lượng khai thác được bốc dỡ								
Đối tượng khai thác	Hình thức sản phẩm	(Các) khu vực đánh bắt	Khối lượng khai báo	Khối lượng bốc dỡ	Chênh lệch giữa khối lượng khai báo và khối lượng đã xác định (nếu có)			
31. Lượng đánh bắt được giữ lại trên tàu								
Đối tượng khai thác	Hình thức sản phẩm	(Các) khu vực đánh bắt	Khối lượng khai báo	Khối lượng được giữ lại trên tàu	Chênh lệch giữa khối lượng khai báo và khối lượng đã xác định (nếu có)			
32. Việc khám xét sổ ghi chép và các tài liệu khác			Có	Không	Nhận xét			
33. Việc tuân thủ chính sách hiện hành về việc lưu trữ tài liệu liên quan đến khai thác			Có	Không	Nhận xét			

34. Việc tuân thủ chính sách hiện hành về thông tin thương mại	Có	Không	Nhận xét
35. Loại ngư cụ đã sử dụng			
36. Đã tiến hành khám xét ngư cụ theo mục (e) Phụ lục B	Có	Không	Nhận xét
37. Những phát hiện của kiểm tra viên			
38. Những vi phạm rõ ràng đối với các văn bản quy phạm pháp luật đã phát hiện được:			
39. Ý kiến của thuyền trưởng			
40. Hành động được thực hiện			
41. Chữ ký thuyền trưởng			
42. Chữ ký kiểm tra viên			

Biên bản được lập thành.....bên.....giữbản, bên.....giữ...bản, có giá trị pháp lý như nhau...

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

....., ngày....tháng...năm....
NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

22

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

NAME OF AGENCY,
ORGANIZATION

Số/No :.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

BIÊN BẢN KIỂM TRA
INSPECTION REPORT

1. Inspection report no:.....		2. Port State:.....			
3. Inspecting authority					
4. Name of principal inspector		ID			
5. Port of inspection					
6. Commencement of Inspection		Year	Month	Day	Hour
7. Completion of Inspection		Year	Month	Day	Hour
8. Advanced notification received		Yes		No	
9. Purpose (s)	Landing	Transfer vessels		Processing	Others (to specify)
10. Port and State and date of last port call				Year	Month Day
11. Vessel name					
12. Flag State					
13. Type of vessel					
14. International Radio Call Sign					
15. Certificate of Registry ID					
16. IMO ¹ ship ID (If available)					
17. External ID (If available)					
18. Port of registry					
19. Vessel owner (s)					
20. Vessel beneficial owner (s) (if known and different from vessel owner)					
21. Vessel operator (s) (if different from vessel owner)					
22. Vessel master name and nationality					

¹ International Maritime Organization

23. Fishing master name and nationality								
24. Vessel agent								
25. VMS ²	No	yes: National	yes: RFMOs	Type:				
26. Status in RFMO ³ areas where fishing or fishing related activities have been undertaken, including any IUU vessel listing.								
Vessel Identifier	RFMO	Flag State status	Vessel on authorized vessel list	Vessel on IUU vessel list				
27. Relevant fishing authorization (s)								
Identifier	Issuing by	Validity	Fishing Areas	Fishing species	Fishing gear			
28. Relevant transshipment authorization								
Identifier		Issuing by		Validity				
Identifier		Issuing by		Validity				
29. Transshipment information concerning donor vessel								
Date	Location	Name	Flag State	ID No.	Species	Product form	Catch areas	Quantity
30. Evaluation of offloaded catch (quantity)								
Species	Product form	Catch areas	Quantity declared	Quantity offloaded	Difference between quantity declared and quantity determined (if any)			
31. Catch retained onboard (quantity)								
Species	Product form	Catch areas	Quantity declared	Quantity retained	Difference between quantity declared and quantity			

² Vessel monitoring system

³ Regional fisheries management organization

					<i>determined (if any)</i>
32. Examination of logbook (s) and other documentations		Yes	No	Comments	
33. Compliance with applicable catch documentation scheme (s)		Yes	No	Comments	
34. Compliance with applicable trade information scheme (s)		Yes	No	Comments	
35. Type of gear used					
36. Gears examined in accordance with paragraph e) of Annex B		Yes	No	Comments	
37. Findings by the inspector(s)					
38. Apparent infringement (s) noted including reference to relevant legal instrument (s)					
39. Comments by master					
40. Action taken					
41. Master's signature					
42. Inspector's signature					

The report are made into on hold ... copies, parties ... keep ... copies, have the same legal value./.

26

VESSEL'S OWNER/MASTER
(Signature, full name, seal (If any))

.....,date.....month...year....
INSPECTOR
(signature, full name, seal (if any))